TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 593/2024/HS-PT
Ngày 24/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Nông Thị T, Lại Đức L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Nông Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/10/1982 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Tổ 2, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Tô Thị H; có chồng là Lại Đức L (bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

2. Lại Đức L; tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/12/1981 tại huyện K, tỉnh Thái Bình; nơi ĐHKTT: Thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: Tổ 2, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lại Đức P và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Nông Thị T (bị cáo trong cùng vụ án) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm

2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

**** Người bào chữa do Tòa án chỉ định cho các bị cáo do Tòa án chỉ định:*** Bà Nguyễn Minh T - Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/4/2023, Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh Cao Bằng tiếp nhận tố giác của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ tố giác về việc:

Ngày 26/12/2017, bà Nông Thị T (sinh năm 1982) cùng chồng là Lại Đức L (sinh năm 1981, cùng trú tại Tổ 2, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (gọi tắt là BIDV) - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ, thành phố C với số tiền 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân để mua xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (là xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03). Ngày 10/01/2018, Ngân hàng BIDV - chi nhánh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ đã ký hợp đồng tín dụng với bà Nông Thị T và ông Lại Đức L, cùng ngày Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền trên bằng việc chuyển khoản số tiền 660.000.000 đồng cho bên bán xe ô tô là Công ty cổ phần H là nơi mà Lại Đức L ký hợp đồng mua chiếc xe ô tô 17C-099.03. Sau khi vay vốn một thời gian, T và L không thực hiện trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng như hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần tìm gặp và làm việc trực tiếp với L và T để yêu cầu trả nợ gốc và lãi suất nhưng T và L không trả, đến ngày 15/6/2022 thì Ngân hàng mới được T và L cho biết T và L đã mang chiếc xe 17C-099.03 là tài sản thế chấp đi cầm cố từ đầu năm 2020 tại hiệu cầm đồ 68 tại Km 5, phường Đ, thành phố C do anh Đỗ Văn Đ làm chủ. Đến nay, khi đã quá hạn ngày đáo hạn hợp đồng (ngày 10/01/2023) L và T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận trả gốc, lãi và bàn giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng. Đến ngày 16/4/2023, ông L và T còn nợ Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ tổng số tiền 589.460.843 đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng).

Tại cơ quan điều tra, Lại Đức L và Nông Thị T đều thừa nhận nội dung đơn tố cáo của Ngân hàng BIDV Cao Bằng - Chi nhánh Đ là đúng và khai nhận như sau:

Nông Thị T và Lại Đức L có quan hệ là vợ chồng và cùng sinh sống tại Tổ

2, phường S, thành phố C. Ngày 26/12/2017, T và L thống nhất viết đơn đề nghị vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng TMCP BIDV) - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ số tiền 660.000.000 đồng để mua xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 do Lại Đức L đứng tên đăng ký bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là chiếc xe ô tô trên. Ngày 09/01/2018, Nông Thị T và Lại Đức L đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/1734989/HĐBĐ với Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ để thế chấp chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 có giá trị 830.000.000 đồng để bảo đảm cho khoản vay 660.000.000 đồng. Ngày 10/01/2018, sau khi đã cung cấp đầy đủ giấy tờ, thủ tục theo quy định, Nông Thị T và Lại Đức L đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/1734989/HĐTD với Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ để vay số tiền trên với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, cùng ngày Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ đã tiến hành giải ngân bằng việc chuyển khoản số tiền 660.000.000 đồng cho Công ty cổ phần H là Công ty đã ký Hợp đồng bán xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 cho Lại Đức L. Sau khi ký hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô trên, ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ là bên trực tiếp giữ giấy đăng ký xe ô tô và cấp cho vợ chồng L, T một giấy đi đường để tiện cho việc sử dụng chiếc xe. Theo hợp đồng tín dụng, hàng tháng vợ chồng T và L phải trả tiền lãi và gốc mỗi tháng 11.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản hoặc thanh toán tiền mặt, thời gian đầu T và L thực hiện việc trả gốc và lãi cho Ngân hàng đầy đủ và đúng hạn theo Hợp đồng. Đến ngày 25/12/2019, do cần tiền vốn để buôn bán, T và L đã tự ý cùng nhau bàn bạc và thống nhất mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 đi cầm cố với ông Đỗ Văn Đ là chủ hiệu cầm đồ 68 tại Tổ 1, phường Đ, thành phố C để vay số tiền 220.000.000 đồng, nhưng T và L không nói cho ông Đ biết chiếc xe ô tô trên đang thế chấp tại Ngân hàng và thoả thuận lãi suất vay 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày, thời hạn vay 01 tháng. Khi mang chiếc xe ô tô trên đi cầm cố, T và L cũng không báo cho Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ biết việc cầm cố chiếc xe trên. Ngày 25/12/2019, chủ hiệu cầm đồ đã chuyển khoản cho Nông Thị T số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và 30.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi cầm cố chiếc xe trên và hết thời hạn cầm cố, ông Đỗ Văn Đ là chủ hiệu cầm đồ 68 đã nhiều lần gọi điện cho T và L đến chuộc chiếc xe, nhưng L và T không có tiền trả cho hiệu cầm đồ để lấy lại chiếc xe nên đồng ý làm giấy xác nhận cho ông Đỗ Văn Đ chủ hiệu cầm đồ được phép thanh lý chiếc xe trên, vì vậy sau một thời gian ông Đỗ Văn Đ đã bán chiếc xe trên cho một người tên D (không rõ họ tên, địa chỉ chính xác, chỉ biết là người Thái Nguyên).

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 5/2023, T và L không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như đã thoả thuận trong hợp đồng. Đến ngày 10/01/2023, quá thời hạn vay Ngân hàng, T và L không có khả năng thanh toán nợ gốc và lãi vay và cũng không thể bàn giao tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 cho Ngân hàng để thu hồi nợ. Tính đến ngày

16/4/2023, T và L còn nợ Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ tổng số tiền 589.460.843 đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng). Đến ngày 30/6/2023 (sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can), Nông Thị T đã tự nguyện nộp cho Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ toàn bộ số tiền còn nợ để khắc phục hậu quả. Lời khai nhận tội của Nông Thị T và Lại Đức L hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 01/6/2023, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định truy tìm chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 là vật chứng của vụ án nhưng không có kết quả.

Ngày 22/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC01) Công an tỉnh Cao Bằng ban hành yêu cầu định giá tài sản số 76/YC-VPCQCSĐT, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng định giá, giá trị còn lại của chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 17C-099.03 tại thời điểm 25/12/2019.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1855/KL-HĐĐGTS ngày 20/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, kết luận: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 17C-099.03 tại thời điểm ngày 25/12/2019 có giá trị còn lại là 681.280.000 đồng (Sáu trăm tám mươi mốt triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành lập biên bản tạm giữ nhiều tài liệu liên quan đến vụ án và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy A12 màu đen đã qua sử dụng của Lại Đức L. Đối với tài liệu tạm giữ đã được đưa vào hồ sơ vụ án, còn lại chiếc điện thoại đã được niêm phong và chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nông Thị T và Lại Đức L đã nhận thức được hành vi của mình là vì phạm pháp luật và tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đồng thời bị cáo đã tự nguyện khắc phục xong toàn bộ hậu quả cho Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ và Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng đã có công văn xác nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 27/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nông Thị T, Lại Đức L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nông Thị T 06 (Sáu) năm tù; Xử phạt bị cáo Lại Đức L 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ các bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2024, các bị cáo Nông Thị T và Lại Đức L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nông Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và xuất trình tài liệu thể hiện cụ nội của bị cáo có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn vì nếu cả hai vợ chồng bị cáo đều đi thụ hình thì không ai chăm hai con còn nhỏ, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo Lại Đức L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo trình bày ngày 30/6/2023 các bị cáo đã trả lại cho Ngân hàng BIDV số tiền 483.782.078 đồng; như vậy, số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt thuộc khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự, chứ không phải khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo Nông Thị T, Lại Đức L đều thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, gia đình có công với cách mạng, tích cực tham gia ủng hộ công tác phòng chống dịch Covid 19, đồng thời áp dụng nguyên tắc khoan hồng nhân đạo của pháp luật, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm hình phạt, cho các bị cáo T, L được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Nông Thị T, Lại Đức L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến cảu Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lại Đức L và Nông Thị T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với đơn trình báo, lời khai, tài liệu đối với bị hại, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định: Ngày 10/01/2018, Nông Thị T và Lại Đức L đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2018/1734989/HĐTD với Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ để vay số

tiền 660.000.000 đồng với mục đích mua xe ô tô, bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là chiếc xe ô tô BKS 17C-099.03, với thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân; cùng ngày Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ đã tiến hành giải ngân khoản vay trên bằng việc chuyển khoản số tiền 660.000.000 đồng cho Công ty cổ phần H là công ty đã ký Hợp đồng bán xe ô tô BKS 17C-099.03 cho Lại Đức L, sau đó Ngân hàng BIDV - Phòng giao dịch Đ là bên trực tiếp giữ giấy đăng ký xe ô tô và cấp cho vợ chồng bị cáo L một giấy đi đường để tiện cho việc sử dụng chiếc xe. Đến ngày 25/12/2019, vợ chồng bị cáo L đã mang xe ô tô BKS 17C-099,03 có giá trị 681.280.000 đồng đi cầm cố với ông Đỗ Văn Đ là chủ hiệu cầm đồ 68 để vay số tiền 220.000.000 đồng. Sau khi cầm cố chiếc xe trên và hết thời hạn cầm cố, do không có tiền trả ông Đ nên vợ chồng bị cáo L đồng ý làm giấy xác nhận cho ông Đ được phép thanh lý chiếc xe ô tô trên; ông Đ đã bán chiếc xe ô tô trên cho một người tên D (không rõ họ tên, địa chỉ chính xác, chỉ biết là người Thái Nguyên). Như vậy, tính đến ngày 16/4/2023, T và L đã chiếm đoạt của Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ tổng số tiền 589.460.843 đồng. Đến ngày 30/6/2023, Nông Thị T đã tự nguyện nộp cho Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng Phòng giao dịch Để Thám toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lại Đức L, Nông Thị T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Lại Đức L, Nông Thị T xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy: Theo trình bày của vợ chồng bị cáo L thì ngày 30/6/2023, vợ chồng bị cáo đã trả cho Ngân hàng BIDV 483.782.078 đồng; như vậy, số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt thuộc khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự chứ không phải khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Xét thấy, căn cứ vào Bảng theo dõi công nợ do Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ cung cấp cũng như Biên bản làm việc ngày 30/3/3023 (có chữ ký xác nhận của bị cáo L) đã xác định tổng số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt là 589.460.843 đồng (BL 135-136, 112-114). Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tỉnh Cao Bằng - Phòng giao dịch Đ tạo điều kiện hỗ trợ để các bị cáo được miễn số tiền lãi phạt là 40.916.675 đồng xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai bên đồng thời các bị cáo nộp lại số tiền 483.782.078 đồng vào ngày 30/6/2023 (sau khi Cơ quan điều tra ra Quyết khởi tố bị can số 107/QĐ-VPCQCSĐT và số 108/QĐ-VPCQCSĐT ngày 14/6/2023) nên đây chỉ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, các bị cáo cho rằng số tiền chiếm đoạt dưới 500.000.000 đồng thuộc khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt bị cáo Nông Thị T 06 năm tù, bị cáo Lại Đức

L 07 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xuất trình tài liệu thể hiện cụ nội của bị cáo có công với Cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T để bị cáo T thấy được sự khoan hồng của pháp luật; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L.

[4] Về án phí: Bị cáo Lại Đức L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Nông Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lại Đức L; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nông Thị T; sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2023/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân nhân tỉnh Cao Bằng, cụ thể như sau:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Thị T, Lại Đức L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nông Thị T 05 (năm) năm tù;

Xử phạt bị cáo Lại Đức L 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ các bị cáo đi chấp hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Nông Thị T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Lại Đức L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học **Nguyễn Tiến Dũng** **Lê Thị Thúy Bình**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Cao Bằng;*
- *VKSND tỉnh Cao Bằng;*
- *Công an tỉnh Cao Bằng;*
- *Cục THADS tỉnh Cao Bằng;*
- *Các bị cáo (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Bình